

Blade Nut, nắp chụp, bộ kẹp đệm, tấm chắn cỏ và mặt bích trong

*với lưới đục (kích thước trục 20mm)



Máy cắt cỏ chạy xăng

Model	Kích thước trục chính	Mặt bích trong			Bộ kẹp đệm		Nắp chụp		Đai ốc
		Kích thước trục (mm)	Kích thước (mm)	Mã số	Kích thước (mm)	Mã số	Kích thước (mm)	Mã số	Mã số
EM2500U	M8x1.25LH	25.4	-	DA00000162	-	-	46.5	DA00000170	NUT:DA00000172 WASHER:DA00000171
RBC411U, RBC413U	M10x1.25LH	25.4	71	326823-1	49	346355-2	68	168526-9	264025-0
EM3400U	M10x1.25LH	25.4	-			KC00000004	68	168526-9	KC00000016 264025-0

Máy đa năng

Model	Kích thước trục chính	Mặt bích trong			Bộ kẹp đệm		Nắp chụp		Đai ốc
		Kích thước trục (mm)	Kích thước (mm)	Mã số	Kích thước (mm)	Mã số	Kích thước (mm)	Mã số	Mã số
EM400MP	M10x1.25LH	25.4	60	326821-5	50	346084-7	68	168526-9	264025-0
EM403MP	M10x1.25LH	25.4	64.5	144312-2	43	347105-8	68	457290-0	252236-9

Máy cắt cỏ dùng pin

**với tấm chắn cỏ cho mặt bích trong 346622-5

*** Mặt bích trong với tấm chắn cỏ

Model	Kích thước trục chính	Mặt bích trong			Bộ kẹp đệm		Nắp chụp		Đai ốc
		Kích thước trục (mm)	Kích thước (mm)	Mã số	Kích thước (mm)	Mã số	Kích thước (mm)	Mã số	Mã số
DUR365U	M10x1.25LH	25.4	42	**326518-6	50	346084-7	68	168526-9	264025-0
			---	***140L84-9					
DUR368A	M10x1.25LH	25.4	---	***140L84-9	50	346084-7	68	168526-9	264025-0
DUR369A	M10x1.25LH	25.4	64.5	144312-2	43	347104-0	68	457274-8	252236-9

Máy tỉa mép

Model	Kích thước trục chính	Mặt bích trong			Bộ kẹp đệm		Đai ốc
		Kích thước trục (mm)	Kích thước (mm)	Mã số	Kích thước (mm)	Mã số	Mã số
EE2650H, EE400MP	M10x1.25LH	25.4	54	326734-0	47	326381-7	264025-0

Máy cắt cỏ dùng pin

Model	Kích thước trục chính	Mặt bích trong		Tấm chắn cỏ cho mặt bích trong
		Kích thước (mm)	Mã số	
DUR187U	M8x1.25LH	36.5	144512-4	346857-8
DUR189	M8x1.25RH	36.5	144512-4	346857-8

Hướng dẫn lựa chọn lưỡi	Dùng cho cỏ thấp	Dùng cho cỏ cao	Dùng cho bụi cây
			
		2 răng, 3 răng, 4 răng, 8 răng * Để cắt cỏ dày * Thích hợp để cắt ở không gian rộng	
		80-răng * Để cắt tỉa bụi cây, cỏ dày và vv	
		TCT * Áp dụng TCT. * Đối với cỏ dày	

Lưỡi cắt cỏ

Đường kính lỗ: 25.4mm
*Đóng gói kiểu Nhật

Lưỡi 2 răng



Ứng dụng	Đường kính lưỡi / số răng	Độ dày	Kiểu máy	Mã số
Cỏ cao, dày, bụi rậm, và bụi cây thấp, mọc lộn xộn	230mm / 2	2.0mm	EM2500U, EM400MP, EM403MP	D-66058
	230mm / 2	2.0mm	DUR369A, UR101C	197997-3
	255mm / 2	2.0mm	DUR369A, UR101C	198345-9
	255mm / 2	2.0mm	EBH340U, EM3400U/RBC411U, RBC413U	D-66064
	305mm / 2	2.0mm	RBC411U, RBC413U	195624-6

Lưỡi 3 răng



Cỏ cao, dày, bụi rậm, và bụi cây thấp, mọc lộn xộn	230mm / 3	3.0mm	DUR368A, DUR369A, EM2500U, UR101C, EM400MP, EM403MP	D-66020
	255mm / 3	3.0mm	EBH340U/R, EM3400U, RBC411U, RBC413U, UR101C	D-66036
	305mm / 3	3.0mm	RBC411U, RBC413U	195300-2 <i>Số lượng có hạn</i> D-66042

Lưỡi 4 răng



Cỏ cao và bụi rậm	230mm / 4	1.8mm	EM2500U, EM400MP, EM403MP	D-66008
	230mm / 4	1.8mm	DUR365U, DUR368A, DUR369A, UR101C	195150-5
	255mm / 4	2.0mm	EBH340U/R, RBC411U, RBC413U	B-14124
	255mm / 4	2.0mm	DUR369A, EM3400U, UR101C	D-66014

Lưỡi 8 răng



Cỏ dày và bụi rậm	230mm / 8	1.8mm	EM2500U, EM400MP, EM403MP	B-14130
-------------------	-----------	-------	---------------------------	---------

Đĩa cưa



Thân cây mỏng và bụi cây rậm	230mm / 80	1.8mm	EM2500U, EM400MP, EM403MP	B-14152
Không sử dụng cho một số quốc gia	255mm / 80	2.0mm	EBH340U/R, EM3400U, RBC411U, RBC413U	B-14168

Lưỡi cưa TCT



Bụi cây có gai và thân cây Không sử dụng cho một số quốc gia	230mm / 36	1.25mm	EBH340U/R, EM2500U/L	*A-56926 <i>Số lượng có hạn</i> D-65981
	230mm / 36	1.25mm	DUR369A, UR101C	198023-1
	230mm / 32	1.25mm	DUR369A, UR101C	199248-0
	250mm / 40	1.25mm	EBH340U/R, EM3400U, RBC411U, RBC413U	D-65997
	250mm / 40	1.25mm	DUR369A, UR101C	198024-9
	250mm / 36	1.25mm	DUR369A, UR101C	199652-3

Lưỡi cắt tỉa



Đường kính lỗ/ Số răng	Độ dày	Máy	Mã số
203mm / 2	2.5mm	EE2650H, EE400MP	196745-7

Đầu cắt cỏ dạng cước

Cò/ cò thấp
** với bộ chuyển đổi (Túi poly có tiêu đề)

	Mô tả	Ref.	Kích thước	Kích thước trục	Máy	Cước/ Dây		Mã số
Bắt cước (Tăng giảm cước bằng thao tác ấn xuống) 	There is no need to ever split the trimmer head to replace or remove line. This head is simple to operate with reliability in performance.	UN-74L	4.4"	M10x1.25LH	DUR365U, DUR368A, DUR369A, UR101C, EM400MP, EM403MP	2.4mm x 3.6m	-	196324-1
		UN-72L	5"	M10x1.25LH	DUR369A, UR101C	2.4mm x 6m	Túi Poly có tiêu đề	198266-5
Bắt cước (Tăng giảm cước bằng thao tác ấn xuống) 			3"	M8x1.25RH	UR100D	1.65mm x 8m	Túi Poly có tiêu đề	198853-0 (Số lượng có hạn) EU:198854-8
		95-M8R	4"	M8x1.25RH	DUR189	2.0mm x 3m	Túi Poly có tiêu đề	198972-2 (Số lượng có hạn) EU:198971-4
		95-M8L	4"	M8x1.25LH	DUR187U, EM2500U	2.0mm x 3m	Túi Poly có tiêu đề	198386-5 (Số lượng có hạn) 123954-5 (Số lượng có hạn) EU:198385-7
		95-M10L	4"	M10x1.25LH	DUR365U, DUR368A, DUR369A, UR101C, EM400MP, EM403MP	2.0mm x 3m	Túi Poly có tiêu đề	198892-0 (Số lượng có hạn) EU:198893-8
						2.4mm x 3m	Túi Poly có tiêu đề	197804-0 (Số lượng có hạn) EU:197993-1
Bắt cước (Tăng giảm cước bằng thao tác ấn xuống) 		Bắt cước ECO 4R	4" Low profile	M8x1.25RH	DUR189	2.0mm x 3m	Túi Poly có tiêu đề	197297-1
		Bắt cước 4R	4"	M8x1.25RH	ER400MP	2.4mm x 3m	Dạng gói	A-89137
		Bắt cước ECO 4L	4" Low profile	M8x1.25LH	DUR187U	2.0mm x 3m	Túi Poly có tiêu đề	196589-5
		Bắt cước ECO 4L	4" Low profile	M10x1.25LH	DUR365U, DUR368A, DUR369A, UR101C,	2.0mm x 3m	Túi Poly có tiêu đề	197296-3
		Bắt cước ECO 5	5"	M10x1.25LH	EM3400U	3.0mm x 2.5m	Túi Poly có tiêu đề	161342-8
		Bắt cước Z5L	5"	M10x1.25LH	EM3400U, EBH340U, RBC411U, RBC413U, EM400MP, EM403MP	2.4mm x 3m	Dạng gói	B-05131
		Bắt cước ECO 6	6"	M10x1.25LH	RBC411U, RBC413U	3.0mm x 3m	Thùng các tông	197030-1
Bắt cước tự động 		Tự động cao 4R	4"	M8x1.25RH	ER400MP	2.4mm x 3m	Thùng các tông	B-03006
		Tự động cao 4L	4"	M8&10x1.25 LH	DUR187U, EM2500U, EM400MP, EM403MP	2.4mm x 3m	Thùng các tông	*B-02945
			4"	M10x1.25LH	EM400MP, EM403MP	2.4mm x 3m	Dạng gói	B-05125
		Tự động cao 6L	6"	M10x1.25LH	EBH340R, RBC411U, RBC413U	3.0mm x 2m	Dạng gói	*A-81658
		UN-74L		M10x1.25LH	BBC300L			195149-0 (Số lượng có hạn)

Lỗ xâu 2cái/bộ dùng cho Bắt cước 4L/4R/Z5L, tự động cao 4R/4L/6L Mã số A-15992

Điều chỉnh bằng tay 	—	5"	—	EBH340U/R, RBC411U, RBC413U, EM400MP, EM403MP	2.4mm x 0.75m x 2	Thùng các tông	B-02951
-------------------------	---	----	---	---	-------------------	----------------	---------



Đặc điểm dây cắt

	Độ sắc nét	Tiết kiệm năng lượng	Sự yên tĩnh
Vòng		A	A
Vuông	AA		
4 cánh	A	AA	AA



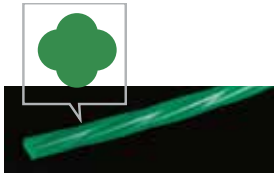
Cuộn cước



Kích thước	Mã số	Kích thước	Mã số	Kích thước	Mã số
1.65mmx15m	DA00000003	2.4mmx5m	B-01971	3.0mmx4m	B-07375

Dây cắt dạng xoắn 4 cánh (ø 2.0mm)

Thân dây xoắn



Kích thước	Màu sắc	Mã số
1.65mmx15m	Xanh dương	198859-8 <i>(Số lượng có hạn)</i>
2.0mmx15m	Xanh lá cây	197472-9 <i>(Số lượng có hạn)</i>
2.4mmx15m	Cam	198501-1 <i>(Số lượng có hạn)</i>

Kích thước	Màu sắc	Mã số	Kích thước	Màu sắc	Mã số	Kích thước	Màu sắc	Mã số
1.65mmx15m	Xanh dương	E-01731	1.65mmx30m	Xanh dương	E-01747	1.65mmx445m	Xanh dương	E-01753
2.0mmx15m	Xanh lá cây	E-01769	2.0mmx30m	Xanh lá cây	E-01775	2.0mmx310m	Xanh lá cây	E-01781
2.4mmx15m	Cam	E-01797	2.4mmx30m	Cam	E-01806	2.4mmx225m	Cam	E-01812
2.7mmx15m	Đỏ	E-01828	2.7mmx30m	Đỏ	E-01834	2.7mmx30m	Đỏ	E-01840

Bảo vệ lưỡi

Hình dạng	Loại	Máy	Mô tả	Mã số
	Phổ thông	DUR369A, UR101C	Với nắp bảo vệ mở rộng	191B54-1
		BBC231U, BBC300L	Không có nắp bảo vệ mở rộng	451566-7 <i>(Số lượng có hạn)</i>
		EM2500U	Không có nắp bảo vệ mở rộng	DA00000525
		EM400MP	Không có nắp bảo vệ mở rộng	452260-4
		EM403MP	Không có nắp bảo vệ mở rộng	457271-4
		EBH340U, EM3400U, RBC411U	Không có nắp bảo vệ mở rộng	451878-8
		RBC411U, RBC413U	Với vòng nẹp bảo vệ không có nắp bảo vệ mở rộng	196052-8
		RBC411U, RBC413U	Không có nắp bảo vệ mở rộng	452259-9
	Phổ thông	RBC413U, EM400MP	Dùng pin/ với cưa/dây cắt	135398-7
		EBH340U, EM3400U, RBC411U	Dùng pin/ với cưa/dây cắt	140424-9
		EM2500U	Không có cưa/ dây cắt	DA00000526
	Riêng biệt	RBC411U, RBC413U	Với vòng nẹp bảo vệ	196051-0
		RBC411U, RBC413U		453874-2
		EBH340R		XNR0000302 170043110N <i>(Số lượng có hạn)</i>
	Riêng biệt	UR100D	Với cưa/ dây cắt	135950-1
		DUR189	Không có cưa/ dây cắt	456651-1
		DUR187U	Không có cưa/ dây cắt	457324-9
		DUR365U	Với vòng nẹp bảo vệ	197295-5
		DUR369A, UR101C	Loại hẹp	191B55-9
		RBC411U, RBC413U		197756-5
		DUR365U, DUR368A		197294-7

Bộ lưới cắt cỏ

	Mã số	Bộ lưới nhựa			Bộ lưới thay thế	
		Kích thước trục	Độ rộng cắt	Mã số	Cái/bộ	Mã số
  X5	UR100D	M8x1.25RH	230mm	198848-3 198847-5 (Số lượng có hạn)	5	198850-6 (Số lượng có hạn) EU:198851-4
 x12	DUR187U, DUR189, DUR365U, DUR366L, DUR368A, DUR369A, UR101C, EM403MP	M8x1.25RH M8x1.25LH M10x1.25LH	255mm	198383-1 198384-9 (Số lượng có hạn)	12	198426-9 198427-7 (Số lượng có hạn)
	DUR369A, UR101C	M10x1.25LH	305mm	199868-0	12	199870-3

Dây đeo vai

Tiện lợi: mã số 122906-3

Đơn: mã số 125516-5

*Túi poly có tiêu đề



Loại	Máy	Mã số
Đơn	DUR189, DUR365U, UR100D, DUX60, RBC411U	125516-5
Đơn	DUR187U, DUR368A, RBC413U	125520-4
Đơn	UR101C	123422-8
W	RBC411U, EM3400U	125802-4
Tiện lợi	DUR369A, RBC411U, RBC413U	122906-3 199378-7*

Dây đeo vai dùng cho DPC01



Mục	Mã số
A	191E43-4
B	197243-4

Phụ kiện cho máy cắt cỏ đeo vai

Lưới hái cà phê



EBH340R

B-80226

Lưới hái cà phê



EBH340R

197163-2

Phụ kiện cho máy cắt cỏ tay cầm vòng

Hình dạng	Dùng cho máy	Mã số
 Lưỡi cưa Chiều dài lam: 25cm (10") Xích: 91VXL-39 mắc xích	BBC300L, BL300LD	196315-2
 Ống dùng cho máy thu hoạch cà phê	EBH340R	195252-7
 Tia hàng rào	RBC2510, DBC260L, BBC300L	A-89523 (Số lượng có hạn)

Phụ kiện đa năng

Hình	Dùng cho máy	Mã số
Lưỡi cắt dạng cước Độ rộng lưỡi cắt: 410mm Kích cỡ trục: M8 x 1.25RH	EX2650LH	ER400MP (196073-0) <i>(Số lượng có hạn)</i> (197946-0)

Cắt cỏ Độ rộng lưỡi cắt: 450mm Kích cỡ trục: M10 x 1.25LH	DUX60, EX2650LH	EM403MP (198760-7)
--	-----------------	-----------------------

Phụ kiện cưa cành Chiều dài lam: 25cm (10") Xích: 91VXL-39 mắc	DUX60, EX2650LH	EY401MP (199925-4)
---	-----------------	-----------------------

Phụ kiện thổi



	EX2650LH	UB400MP (191C68-4)
--	----------	-----------------------

Phụ kiện tia hàng rào

Có thể điều chỉnh góc

	DUX60, EX2650LH	EN401MP (196303-9) 1,624mm(64")
--	-----------------	---------------------------------------

Dạng thẳng

	DUX60, EX2650LH	EN410MP (197742-6)
--	-----------------	-----------------------

Tia sát đất

	DUX60, EX2650LH	EN420MP (198061-3)
--	-----------------	-----------------------

Xới đất

Bộ lưỡi xới đất: 199204-0

	DUX60, EX2650LH	KR400MP (195707-2) 160mm
	DUX60, EX2650LH	KR401MP (199185-8) 220mm

Hình	Dùng cho máy	Mã số
------	--------------	-------

Chổi quét

P/N: XNR0000548

	DUX60, EX2650LH	BR400MP (199323-2) (199332-1) <i>(Số lượng có hạn)</i>
--	-----------------	--

Chổi quét nước

P/N: XNR0000549

	DUX60, EX2650LH	SW400MP (199344-4)
--	-----------------	-----------------------

Phụ kiện thu hoạch cà phê

	DUX60, EX2650LH	EJ400MP (195726-8)
--	-----------------	-----------------------

Cắt cành

	DUX60, EX2650LH	EE400MP (196751-2)
--	-----------------	-----------------------

Thanh nối kéo dài

Dùng cho việc cắt cành, tia hàng rào, hái cà phê

	DUX60, EX2650LH	LE400MP (191E23-0)
--	-----------------	-----------------------



Xích và lam

B Độ sâu răng cắt



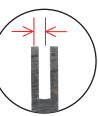
C Bước xích



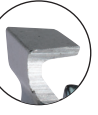
D Mắt xích



E Độ dày rãnh lam



F Loại răng cắt



A Độ dài lam



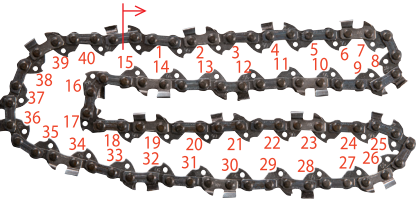
A Độ dài lam

Chiều dài của lam được thể hiện bằng chiều dài cắt, khác với tổng chiều dài của nó.



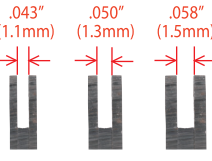
D Mắt xích

Độ dài của xích được xác định bằng cách đếm số lượng mắt xích trong chuỗi xích.



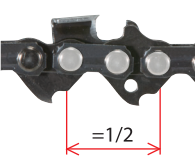
E Độ dày rãnh lam

Độ dày rãnh lam là độ dày của mắt xích, nơi nó khớp với rãnh của lam, khớp với độ dày rãnh lam. Độ dày của xích và độ dày của lam phải khớp.



C Bước xích

Bước xích là kích thước của xích và được định nghĩa là khoảng cách giữa ba đỉnh tán liên tiếp chia cho hai. Bước xích rất quan trọng vì mắt xích phải có cùng độ cao với xích.



F Loại răng cắt

	NHỎ	BÁN PHẦN	VÁT GÓC	TOÀN PHẦN
Viết tắt	MC	SC	CC	FC
Hình chiếu cạnh				

Loại lam

Lam bánh xe

Lam bánh xe có một bánh xích quay được gắn ở lam. Khi xích di chuyển dọc theo lam, răng bánh xích mang xích xung quanh đỉnh một cách trơn tru ít ma sát.



Lam mũi cứng

Hợp kim chịu mài mòn cao được hàn vào đầu. Các mũi lam cứng được tạo ra cho công việc khó khăn, bao gồm các khu rừng bị cháy, sa mạc hoặc môi trường cát.



Lam điêu khắc

Lam trượt được làm bằng thép chất lượng cao và kính bảo vệ chống mài mòn cao được hàn trên đỉnh. Bán kính mũi nhỏ được thiết kế để cắt chính xác. Lam trượt được làm cho đặc biệt cắt tia và chạm khắc.



Bảo dưỡng xích

Sức căng xích

Theo thời gian căng xích của trước khi sử dụng. Xích của có thể bị lỏng sau nhiều giờ sử dụng.



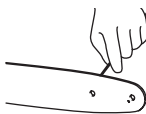
Dũa lam

Dũa lam với một giữa phẳng để giữ 90 ° mỗi tuần một lần.



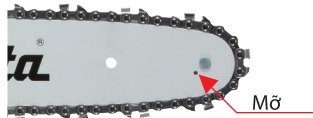
Vệ sinh lam

Làm sạch mặt giữa và mặt của mỗi khi mài mòn cao hoặc thay thế xích của



Tra mỡ cho lam

Bôi trơn toàn bộ bánh xích thường xuyên để đảm bảo rằng của xích có thể xoay với ít ma sát hơn.

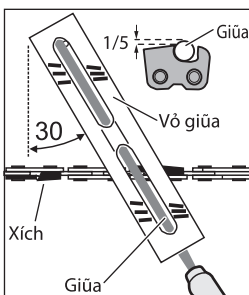


Dũa xích

Giũa tròn và vỏ giữa



Giũa có thể được dẫn dễ dàng hơn nếu sử dụng vỏ giữa. Vỏ giữa có các dấu cho góc nhọn chính xác là 30 ° (cân chỉnh các dấu song song với xích) và giới hạn độ sâu thâm nhập (đến 4/5 đường kính giữa).

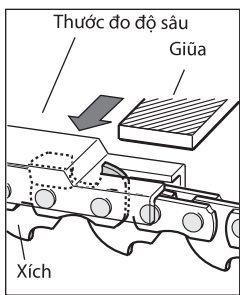


Bộ đo độ sâu

Sau khi mài xích, kiểm tra chiều cao của thước đo độ sâu bằng công cụ đo xích.



Giũa phẳng



Lam/ Xích/ Vỏ lam (Máy cưa xích chạy xăng)

Cutter type: CC: Chamfer chisel, SC: Semi chisel, MC : Micro chisel, FC: Full chisel

* Pole saw attachment (196315-2)

**without Clamshell pack



Máy	Lam					Xích						Vỏ lam	Nhông xích	
	Chiều dài lam	Motor Mount	Loại	Răng dẫn động	Mã số	Số mắt xích	Độ dày rãnh lam	Bước	Loại OREGON / DOLMAR	Kiểu dao cắt	Mã số (Carton)	Mã số	Loại	Mã số

Máy cưa xích chạy xăng

EY2650H, EY401MP 196315-2*	25cm/10"	A218	Lam bánh xe	7	191G11-9 165695-7 (Số lượng có hạn)	39	1.3mm/.050"	3/8" LP	91VXL / 196	SC	191H20-4 196142-7 (Số lượng có hạn)	452093-7	Bước răng 3/8"LP	XTM0000014
DCS232T	25cm/10"	A041	Lam bánh xe	7	191G22-4 168408-5 (Số lượng có hạn)	40	1.3mm/0.050"	3/8" LP	91PX	CC	191H08-4 196205-9 (Số lượng có hạn)	452093-7	-	-
EA3201S, EA3503S	40cm/16"	A041	Lam bánh xe	7	191G25-8 165202-6 (Số lượng có hạn)	56	1.3mm/.050"	3/8" LP	91PX / 492	CC	191H12-3 196208-3 (Số lượng có hạn)	419560-5 952010640	Clutch drum 3/8"LP	140484-1
EA3601F	40cm/16"	A041	Lam bánh xe	7	191G25-8 165201-8/165202-6 (Số lượng có hạn)	56	1.3mm/.050"	3/8" LP	91PX / 492	CC	191H12-3 196307-3/196208-3 (Số lượng có hạn)	419560-5 952010640	Clutch drum 3/8"LP	165725-4
EA4301F	45cm/16"	A041	Lam bánh xe	7	191G26-6 165390-9 (Số lượng có hạn)	62	1.3mm/.050"	3/8" LP	91PX / 492	CC	191H13-1 196214-8 (Số lượng có hạn)	419560-5 952010640	Clutch drum 3/8"LP	143339-9
EA5600F	45cm/18"	K095	Lam bánh xe độ bền cao	11	191G51-7	64	1.5mm/.058"	3/8"	73LPX / 099	FC	191H50-5 528099072 (Số lượng có hạn)	952020640	Rim sprocket 3/8" SM7-7	026224010

Máy cưa xích dùng pin

DUC254	25cm/10"	-	Lam trượt	-	168407-7	-	1.3mm/0.050"	1/4"	25AP/466	MC	194098-8	452093-7	Bước răng 3/8"LP	198259-2
		-	Lam bánh xe	-	168408-5	-	1.3mm/0.050"	3/8" LP	25AP/466	MC	196205-9			199063-2
	25cm/10"	A041	Lam bánh xe	7	191G14-3 161846-0 (Số lượng có hạn)	40	1.1mm/.043"	3/8" LP	90PX / 291	CC	191H00-0 199075-5 (Số lượng có hạn)	452093-7	Bước răng 3/8"LP	199063-2
	25cm/10"	A041	Lam bánh xe	7	191G18-5 161846-0 (Số lượng có hạn)	40	1.3mm/.050"	3/8"	91PX / 492		191H08-4 199075-5 (Số lượng có hạn)			
DUC406	40cm/16"	A041	Lam bánh xe	7	191G17-7 165247-4 (Số lượng có hạn)	56	1.1mm/.043"	3/8" LP	90PX / 291	CC	191H03-4 196742-3 (Số lượng có hạn)	419242-9	Bước răng 3/8"LP	199063-2
	40cm/16"	A041		7	191G25-8 165247-4 (Số lượng có hạn)	56	1.3mm/.050"	3/8" LP	91PX / 492	CC	191H12-3 196742-3 (Số lượng có hạn)	419242-9		
DUC353	25cm/10"	-	Lam trượt	-	*168407-7	60	1.3mm/.050"	1/4"	25AP	MC	194098-8	452093-7	Bước răng 3/8"LP	199063-2
	30cm/12"	A041	Lam bánh xe		**165245-8	46	1.1mm/.043"	3/8" LP	90PX / 291	CC	-	419288-5	Bước răng 3/8"LP	199063-2
	35cm/14"	A041		7	191G16-9 **165246-6 (Số lượng có hạn)	52	1.1mm/.043"	3/8" LP	90PX / 291	CC	191H02-6 196741-5 (Số lượng có hạn)	419288-5		
	35cm/14"	A041		7	191G24-0 **165246-6 (Số lượng có hạn)	52	1.3mm/.050"	3/8" LP	91PX / 492	CC	191H11-5 196741-5 (Số lượng có hạn)	419288-5		

Máy cưa xích dùng điện

UC3041A, UC4041A	30cm/12"	A041	Lam bánh xe	7	191G15-1 165245-8 <i>(Số lượng có hạn)</i>	46	1.3mm/.050"	3/8"	91PX / 492	CC	191H01-8 196740-7 <i>(Số lượng có hạn)</i>	419288-5	Bước răng 3/8"LP	199063-2
				—	165200-0						196211-4			
				—	165201-8	52					196207-5			
	40cm/16"	A041		7	191G23-2 165245-8 <i>(Số lượng có hạn)</i>	56	191H12-3 196742-3 <i>(Số lượng có hạn)</i>	419242-9						
	30cm/12"	A041		7	191G17-7 165247-4 <i>(Số lượng có hạn)</i>	46	1.3mm/.050"	3/8"	91PX / 492	CC	191H10-7 196740-7 <i>(Số lượng có hạn)</i>	419288-5		
	40cm/16"	A041		7	191G25-8 165247-4 <i>(Số lượng có hạn)</i>	56					531291646 191H12-3 196742-3 <i>(Số lượng có hạn)</i>	419242-9		
UC4051A, UC4551A	40cm/16"	A041	Lam bánh xe	7	191G25-8 165202-6 <i>(Số lượng có hạn)</i>	56	1.3mm/.050"	3/8"	91PX / 492	CC	191H12-3 196208-3 <i>(Số lượng có hạn)</i>	419242-9	Bước răng 3/8"LP	221521-1
	45cm/18"	A041		7	191G26-6 165390-9 <i>(Số lượng có hạn)</i>	62					531492662 191H13-1 196497-0 <i>(Số lượng có hạn)</i>	419242-9		
5012B	30cm/12"	---	Lam bánh xe độ bền cao	9	191G63-0 164533-0 <i>(Số lượng có hạn)</i>	45	1.3mm/.050"	3/8"	91PX / 492	CC	191H09-2 196519-6 <i>(Số lượng có hạn)</i>	410054-3	Bước răng 3/8"LP	221514-8
5016B	40cm/16"	---	---	—	341650-5	56	1.3mm/.050"	3/8"	91PX	CC	196521-9	410054-3	---	---

Mắc xích & đinh tán

Loại xích	Bước	Độ dày rãnh lam	Mắc xích (1 cái)	Đinh tán (1 cái)
			Mã số	Mã số
90PX 291	3/8"LP	1.1mm/.043"	510090030	510090010
91PX, 91VXL 492, 196	3/8"LP	1.3mm/.050"	558092000	558092010
73LPX, 73DPX 093	3/8"	1.5mm/.058"	558093000	558093010

Đai ốc

* Phụ kiện của cưa (196315-2)

Máy	Mã số
EY2650H, EY401MP*	XTM0000023

Vỏ cưa xích (thép)



Máy	Mã số
EA3201S, EA3503S EA3601F, EA4301F, EA5600F	821672-6

Dũa xích và vỏ dũa

Dùng cho máy:
Cưa xích



Loại xích	Kích thước	Dũa xích	Dũa xích và vỏ dũa
		Mã số	Mã số
25AP, 91PX, 91VXL, 466, 492, 196	4mm	*744003-1	-
	4mm	953003090	195089-2
90PX	4.5mm	953003100	195923-6
20BPX, 21BPX, 21LPX, 95VPX, 082, 086, 686, 484	4.8mm	953003070	197712-5
72DPX, 72LPX, 72V, 73DPX, 73LPX, 496, 093, 099	5.5mm	953003040	95300000

Tay cầm dũa, dũa phẳng & thước canh độ sâu

Dùng cho tất cả máy cưa xích



Tay cầm dũa	Dũa phẳng	Thước canh độ sâu
Mã số	Mã số	Mã số
953004010	953003060	953100090

Dầu xích BIOTOP



Kích thước	Mã số
1L	980008610

Phụ kiện chứa cỏ

Giữ mảnh vụn hình lá hoặc nhánh khô
rơi xung quanh
Gắn vào 2 bên của lưỡi cắt



Máy	Mô tả	Mã số
*DUM604, UH201D, *UM600D	Lắp vào/ tháo ra bằng một chạm	198402-3 (Số lượng có hạn) 198401-5(EU)
BUH650, UH650D, BUH550, UH550D	Lắp vào/ tháo ra bằng một chạm	194681-1 (Số lượng có hạn)
DUH523	Với vít MSX12 x 5cái	195050-9
DUH501, DUH502, DUH601, DUH602, DUH751, DUH752	Lắp vào/ tháo ra bằng một chạm	199151-5
DUH604S		191D33-1
DUH754S		191D34-9
HTR7610		0301140000 (Số lượng có hạn)
UH200D		451880-1 (Số lượng có hạn)

Cạnh hình răng

được thiết kế giống hình răng cưa
có thể thu và ngăn lá và cành cây
rơi xuống hộp chứa.

Gờ chống trượt

tầm dưới cùng ngăn cho lá và cành
cây không rơi ra khỏi hộp chứa



Máy	Mô tả		Mã số
EH7500S	Không có bảo vệ lưỡi		451866-5
EH7500S	Có bảo vệ lưỡi		452166-6
EH7500S	Không có bảo vệ lưỡi	Với vít MSX12 x5cái	196777-4
EH7500S	Có bảo vệ lưỡi	Với vít M5 x 12 x 5cái	195321-4

Đồ bảo hộ



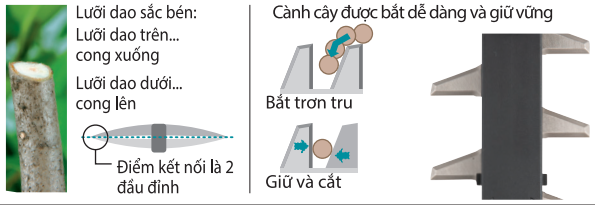
Loại	Mô tả	Mã số
A	Bộ găng tay	194679-8
B	Bộ giữ dây	194677-2
C	Móc	158024-1

Lưỡi cắt và vỏ bảo vệ lưỡi

Loại lưỡi

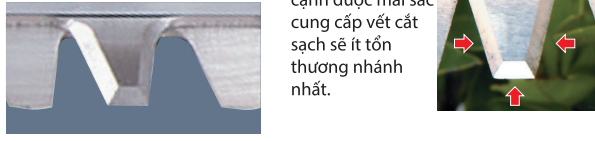
A: Lưỡi cong

Hình dạng lưỡi tối ưu để cắt ngọt



B: Lưỡi dao cao cấp

Lưỡi trên / dưới với 3 cạnh được mài sắc để cắt sạch. Lưỡi trên / dưới có 3 lưỡi.



C: Lưỡi không mạ

Mạ niken không điện phân lớp phủ bề mặt được phủ đều và mạnh mẽ có bề mặt chống mài mòn cao cho lớp phủ bền lâu.



Máy	Lưỡi cắt		Vỏ bảo vệ lưỡi
	Loại lưỡi cắt	Mã số	Mã số

Máy cắt cỏ

* dùng cho Trung Quốc, Hồng Công, Hàn Quốc, Malaysia, Philippines, Singapore, Đài Loan & Việt Nam.

UH201D	C	198409-9 (Số lượng có hạn) EU:198408-1	451816-0 (Số lượng có hạn) 458342-0
UH200D		195178-3 (Số lượng có hạn) 195272-1 (Số lượng có hạn)	451816-0 (Số lượng có hạn)
MUH355G		A-49915 196879-6 (Số lượng có hạn)	418257-3
UH353D			458359-3
BUH550, UH550D, DUH551		196687-5 (Số lượng có hạn) 194671-4 (Số lượng có hạn)	450489-6 (Số lượng có hạn)
BUH650, UH650D, DUH651		196688-3 (Số lượng có hạn) 194673-0 (Số lượng có hạn)	450490-1 (Số lượng có hạn)
DUH523U	C	195769-0	452685-2
DUH501	A	199098-3	458413-3
DUH601	A	199099-1	458414-1 *459121-9
DUH604S	A	191D38-1	412355-5
DUH751	A	199100-2	458415-9 *459122-7
DUH502	B	199598-3	459120-1
DUH602	B	199599-1	459121-9
DUH752	B	199600-2	459122-7
DUH754S	A	191D39-9	412770-3

Máy tia hàng rào (dùng pin, chạy xăng, máy đa năng)

DUN500W	A	191C14-9	458413-3
DUN600L	A	191C13-1	458414-1
EN420MP	B	198195-2	457036-4
EN401MP, EN410MP	B	EU:197768-8	454279-9

Máy	Lưỡi cắt		Vỏ bảo vệ lưỡi
	Loại lưỡi cắt	Mã số	Mã số

Máy tia hàng rào chạy xăng

*lưỡi không kèm vỏ ngoài

**lưỡi kèm vỏ ngoài

EH6000W	B	196797-8	*452327-8 ** 454278-1
EH7500S	B	196801-3	451868-1
HTR5600		Lưỡi trên: 6018505400 Lưỡi dưới: 6018505500	0028002039 (Số lượng có hạn)
HTR7610		Lưỡi trên: 6018505200 Lưỡi dưới: 6018505301	0028109009 (Số lượng có hạn)

Bộ vỏ ngoài và bảo vệ lưỡi

Máy	Mã số
EN401MP, EN410MP	196264-3
EH6000W	196262-7

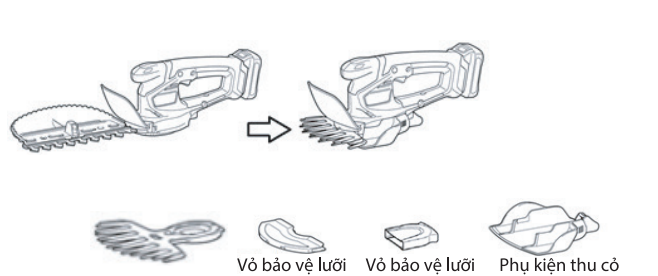
Bảo vệ lưỡi

Máy	Mã số
Máy tia hàng rào chạy xăng	
EH6000W	454672-7
EH7500S	346731-0
Máy tia hàng rào dùng pin	
DUH501, DUH502, DUH601, DUH602, DUH751, DUH752	458408-6

Lưỡi tia cỏ và bảo vệ lưỡi

Máy	Lưỡi tia cỏ	Vỏ bảo vệ lưỡi
	Mã số	Mã số
DUM604, UM600D, UM603D	195267-4	452055-5

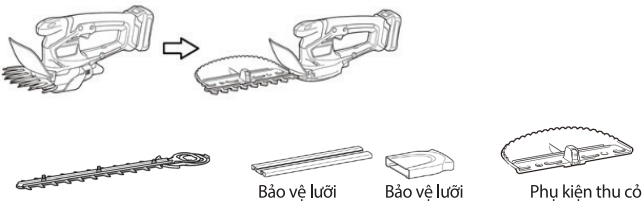
Chuyển đổi từ máy tia hàng rào thành máy tia cỏ



*với phụ kiện thu cò và bảo vệ lưỡi.

Máy	Lưỡi tia cỏ	Vỏ bảo vệ lưỡi	Vỏ bảo vệ lưỡi
	Mã số	Mã số	Mã số
UH201D	195267-4	*198412-0(EU)	452198-3

Chuyển đổi từ máy tia cò thành máy tia cò tia hàng rào



*với vỏ bảo vệ lưỡi

Máy	Lưỡi cắt cỏ	Bảo vệ lưỡi	Phụ kiện thu cò
	Mã số	Mã số	Mã số
DUM604, UM600D	198409-9 <i>(Số lượng có hạn)</i>	451816-0 <i>(Số lượng có hạn)</i>	198402-3 <i>(Số lượng có hạn)</i>
	EU:198408-1	*195274-7	

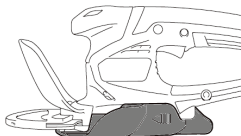
Khung sườn



Dùng cho máy	Mã số
UH200D	325896-1 <i>(Số lượng có hạn)</i>

Khay chứa cỏ

* với lưỡi cắt cỏ



Dùng cho máy	Mã số
DUM604, UM600D,*UH201D	457426-1

Phụ kiện tay cầm nối dài

* với lưỡi cắt cỏ



Dùng cho máy	Mã số
DUM604, UM600D,*UH201D	198516-8 <i>(Số lượng có hạn)</i> EU:198486-1

Lưỡi cắt cành

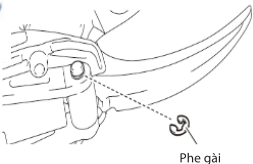
Lưỡi cắt (U)



Không sử dụng lại phe gài E-4 khi lắp đặt lại.

Lưỡi cắt (L)

Không sử dụng lại phe gài E-4 khi lắp đặt lại.
Phe gài E-4



*Với phe gài E-4 (P/N:961011-9)

**Socket lục giác M3x6 P/N:266183-8 & Bu lông M8P/N:251573-8
cứng cần thiết.

Máy	Loại	*Lưỡi cắt (U)	Lưỡi cắt (L)
		Mã số	Mã số
DUP361 DUP362	Tiêu chuẩn	197366-8 <i>(Số lượng có hạn)</i> 197588-0*	197367-6
	Dùng cho cành cứng	199168-8	199169-6
	Dùng cho cành cứng	199314-3**	199171-9**

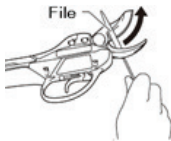
Bộ chốt gài

Bộ chốt gài



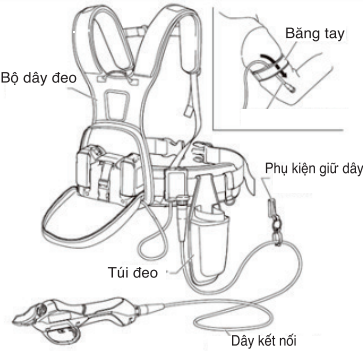
Máy	Mã số
*DUP361, *DUP362	199311-9

Giũa kim cương cho máy cắt cành



Máy	Mã số
DUP361, DUP362	794530-8

Bộ phụ kiện dành cho máy cắt cành



Dùng cho máy	Item	Mã số
DUP361 DUP362	Bộ dây đeo	161377-9
	Túi đựng dụng cụ	161603-6
	Túi đeo	161379-5
	Băng tay	166062-9
	Phụ kiện giữ dây	154511-8
	Dây kết nối	661445-3

Phụ kiện cho xe vận chuyển hàng hóa

Dạng khung



Dạng thùng



Bánh xe phụ



Dùng cho máy	Loại	Mã số
DCU180	Thùng để dạng khung	199116-7 (Số lượng có hạn) EU:199009-8
	Thùng chứa	198494-2 (Số lượng có hạn) EU:199008-0
	Bánh xe phụ	191A01-6

Lưỡi cắt cỏ



Dùng cho máy	Kích thước (mm)	Mã số
--------------	-----------------	-------

Máy dùng pin

DLM380	380	196863-1 (Số lượng có hạn)
DLM382	380	191D41-2
DLM431	430	197761-2 (Số lượng có hạn)
DLM432	430	191D43-8
DLM460	460	199367-2
DLM462	460	191D51-9
DLM530, DLM532, DLM533	530	191D52-7

Máy chạy xăng

ELM4120	410	TA00000747
PLM4631N2	460	DA00001274

Lưỡi dao ngược của máy cắt cỏ

Máy	Bộ lưỡi dao ngược		Lưỡi thay thế	
	Kích thước (mm)	Mã số	Cái/gói	Mã số
DLM462	530	191D49-6	4	191D47-0
DLM530, DLM532, DLM533	530	191D50-1	4	191D48-8

Bộ nghiêng cỏ

Máy: DLM382 / DLM432
Mã số: 191D46-2



Bộ xe đẩy



Máy	Mã số
EK7651H	DT4000

Phụ kiện máy thổi



Dùng cho máy	Mã số	Mã số
DUB363	191E19-1	-
BHX2500	195282-8	195284-4

Ống, vòi phun, ống dẹp & phụ kiện khác

Ống mở rộng



Ống chuyển đổi



Dây đeo vai



Ống thổi



Ống thổi



Ống thổi dẹt



Đai hông



Dây đeo trước ngực



Máy	Mục	Mô tả	Mã số
DUB184	Ống mở rộng		197888-8
DUB362	Ống thổi dẹt		197889-6
DUB363	Ống thổi dẹt		197889-6
DUB184	Ống chuyển đổi 80-72		191B21-6
DUB184, DUB362	Dây đeo vai		166094-6
EB5300TH, EB7660TH	Ống dài 90	-	197723-0
	Ống ngắn 90	-	196912-4
	Ống thổi 90-60	Định hướng vận tốc thổi	454896-5
	Ống thổi 90-62	-	198034-6
	Ống thổi 90-68	-	197722-2
	Ống thổi 90-70	Định hướng vận tốc thổi	455128-3
	Ống thổi dẹt	-	196911-6
	Dây đeo trước ngực	-	196733-4 (Số lượng có hạn) 199237-5(EU)
EB5300TH	Đai hông	-	199238-3(EU)
EB7660TH	Đai hông	-	196956-4
PM7650H	Ống thổi 0.5	Dành cho ULV (Âm lượng cực thấp)	326378-6
	Ống thổi 0.8	Dành cho ULV (Âm lượng cực thấp)	326214-6
	Ống thổi 0.7	Dành cho ULV (Âm lượng cực thấp)	326212-0
	Ống cong 630	-	453507-9
	Ống thẳng 630	-	453699-4
	Ống thẳng 380	-	453700-5
	Ống thổi 200	-	455631-4
	Ống thổi 450	-	455632-2
	Ống thổi dẹt	-	455634-8
	Đầu chuyển đổi	-	453986-1
	Tấm chắn	-	198248-7
	Vòng chữ O	-	197070-9
	Đai hông	-	199240-6(EU)
	Dây đeo trước ngực	-	196733-4 199237-5(EU)
BHX2500, BHX2501	Ống	-	451752-0
	Ống thổi (Ống thổi dẹt)	-	451753-8
BHX7600	Đầu ống	-	6679504400

Đầu hút bụi

A: Phụ kiện đi kèm theo máy



Dùng cho máy	Kích thước (mm)	Loại	Mã số
DUB182	220	A	132025-7
	430	-	134182-7
UB1103	220	A	123245-4

Ống thổi dài



Dùng cho máy	Mã số
DUB183	TP00000199

Túi bụi



Máy	Mã số
DUB182	122814-8

Bộ ống mềm

(Chiều dài tổng: 95cm)



Máy	Mã số
DUB182	191750-9
UB1103	196643-5

Phụ kiện dùng cho máy phun thuốc EVH2000

Hình dạng	Dùng cho máy	Đặc điểm/hướng dẫn sử dụng	Mã số
Vòi phun thuốc trừ cỏ góc rộng	EVH2000	Cho xịt thuốc diệt cỏ, cũng thích hợp để tưới cây hay xịt chất điều hòa đất	6908031000
Vòi phun thuốc diệt cỏ		Khô trở thành sương mù ngăn cản sự khuếch tán của thuốc.	6958011000
Ống đôi hình Y		Cho các công việc thuốc trừ sâu chung dùng thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm...	6958025000
Vòi dài hai đầu		Xịt phạm vi rộng	6949001000
Vòi phun đôi hình chữ U		Xịt phạm vi rộng	6958018000
Vòi phun đồng tâm		Xịt theo hình tròn	6909500100
Vòi phun đồng tâm gấp 4 lần		Phun theo dạng tròn	6919500000
Đầu phun nhỏ gọn		Thuận tiện cho việc phun thuốc nhà kính bằng vòi phun nhỏ gọn	6939025000
Vòi phun 2		Có thể phun khuếch tán hoặc thẳng	6939024000
Vòi phun siêu tốc		Có thể phun khuếch tán hoặc thẳng	6939028000

Phụ kiện dùng cho máy PM7650H



Dùng cho máy	Mã số
PM7650H	196499-6

Phụ kiện xịt rửa cho máy DHW080, HW1200, & HW1300

Hình dạng	Máy	Mã số
Súng xịt	DHW080 HW1200 HW1300	197842-2
Đầu xịt thẳng, dẹt	DHW080 HW1200 HW1300	197822-8
Đầu xịt rửa	DHW080 HW1200 HW1300	197876-5
Đầu xịt dạng xoay	DHW080 HW1200 HW1300	197824-4
Bàn chải	DHW080 HW1200 HW1300	197864-2
Đầu xịt cong	DHW080 HW1200* HW1300* (*for 110-127V)	197859-5
Bộ ống nối dài (0.9m / 1.3m / 1.7m)	HW1200** HW1300** (**for 220V-240V)	198909-9
Đầu ống nối dài	DHW080 HW1200 HW1300	197870-7
Bàn chải xoay	DHW080 HW1200 HW1300	197831-7
Đầu xịt dạng bàn chải	DHW080 HW1200 HW1300	197828-6
Bình đựng chất tẩy rửa	DHW080 HW1200 HW1300	197886-2
Dây dẫn	DHW080 HW1200 HW1300	10m 197837-5 15m 197840-6
Dây áp suất cao	DHW080 HW1200 HW1300	5m 197845-6 8m 197847-2 10m 197850-3
Đầu nối chống xoắn	DHW080 HW1200 HW1300	197867-6
Ống hút nước	DHW080 HW1200 HW1300	197873-1
Đầu nối	DHW080 HW1200 HW1300	197853-7
Đầu nối	DHW080 HW1200 HW1300	197881-2
Đầu nối nhanh	DHW080 HW1200 HW1300	197883-8
Phụ kiện vệ sinh	DHW080 HW1200 HW1300	197879-9

PHỤ KIỆN MÁY XỊT RỬA ÁP LỰC CAO



Phụ kiện máy xịt rửa áp lực cao DHW080 / HW1200 / HW1300

● Đầu xịt dạng xoay ● ● ●
Nước phun và xoay, giúp làm sạch mạnh mẽ



Mã phụ kiện
197824-4

● Bàn chải
Ngăn nước khỏi bắn ra khi sử dụng chung với đầu xịt dạng xoay



Mã phụ kiện
197864-2

● Đầu xịt rửa ● ● ●
Có thể điều chỉnh áp suất cao/thấp



Mã phụ kiện
197876-5

● Bình đựng chất tẩy rửa ● ● ●
Xả phòng được phun dưới dạng bọt, không bị rửa trôi



Mã phụ kiện
197886-2

● Đầu xịt dạng bàn chải
Bụi bắn được loại bỏ nhờ bàn chải và nước



Mã phụ kiện
197828-6

● Đầu xịt thẳng, dẹt
Điều chỉnh phun nước rộng hoặc phun nước hẹp



Mã phụ kiện
197822-8

● Bàn chải xoay
Bàn chải xoay theo áp suất nước, giúp làm sạch trên diện tích rộng, cửa sổ...



Mã phụ kiện
197831-7

● Đầu xịt cong
Dùng rửa gầm xe, máy móc nông nghiệp, xây dựng...



Mã phụ kiện
198909-9

● Vòi xịt làm sạch đường ống
Nước được bơm ở áp suất cao, đi qua đầu vòi và làm sạch đường ống nó đi qua



Loại	Mã phụ kiện
10m	197837-5
15m	197840-6

● Phụ kiện vệ sinh ● ● ●



Mã phụ kiện
197879-9

Phụ kiện dùng cho máy:
HW101
HW102
HW111

● Đầu nối
Cũng có thể dùng cho HW101 / HW102 / HW111



Mã phụ kiện
197853-7



● Phụ kiện đi kèm của HW1300

● Phụ kiện đi kèm của HW1200

● Súng xịt ● ● ●
Ống xịt có thể được gắn hoặc tháo rời mà không cần dụng cụ



Mã phụ kiện	197842-2
-------------	----------

● Dây dẫn ● ● ●
Chiều dài tối đa có thể sử dụng: ≤ 20m

Loại	Mã phụ kiện
5m	197845-6
8m	197847-2
10m	197850-3

● Dây dẫn ● ● ●
Loại 10m

Loại	Mã phụ kiện
10m	123784-4

● Đầu nối chống xoắn
(Có thể lắp ở cả 2 đầu dây)
Đồng thời xoay đầu dây để không bị xoắn dây



Mã phụ kiện
197867-6

Kết nối với ổ cắm

● Ống hút nước (tán dụng tính năng tự hút)
Máy có thể tự hút nước ở độ cao 1m tính từ mặt nước đến đầu vào của máy



Đầu hút nước Bộ lọc



Mã phụ kiện	197873-1
-------------	----------

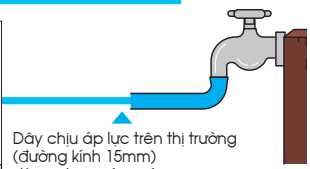
HW1200 DHW080 HW1300

Đầu nối cấp nước

● Đầu nối ● ● ●
Mã phụ kiện 197881-2

● Đầu nối nhanh ● ● ●
Mã phụ kiện 197883-8

Dây chịu áp lực trên thị trường (đường kính 15mm) dùng cho nước máy



PHỤ KIỆN MÁY XỊT RỬA ÁP LỰC CAO



151

Phụ kiện máy xịt rửa áp lực cao HW102 / HW111

● Phụ kiện đi kèm của HW102

● Phụ kiện đi kèm của HW111



● Đầu xịt dạng xoáy ●●

Nước phun và xoáy, giúp làm sạch mạnh mẽ



Mã phụ kiện

3320120



● Đầu xịt thẳng, dẹt ●●

Điều chỉnh phun nước rộng hoặc phun nước hẹp



Mã phụ kiện Dùng cho máy

3640640 HW102

3640650 HW111



● Bình đựng chất tẩy rửa (chỉ HW102) ●

Xịt chất tẩy rửa dễ dàng hơn



Mã phụ kiện

3640090

Vòi xịt chất tẩy rửa (chỉ HW111) ●

Phun chất tẩy rửa từ bình đựng



Mã phụ kiện

3640670

● Bình đựng chất tẩy rửa (chỉ HW111) ●

Đựng chất tẩy rửa, sử dụng cùng với vòi phun



Mã phụ kiện

3640380



● Bàn chải ●

Bụi bẩn được loại bỏ nhờ bàn chải và nước



Mã phụ kiện

3640950



● Bàn chải rửa sàn ●

Rửa sàn nhà và tường mà không làm bắn nước



Mã phụ kiện

A-53176

● Ống xịt mở rộng ●●



Mã phụ kiện

3320130

● Súng xịt ●●

Ống xịt có thể được gắn hoặc tháo rời mà không cần dụng cụ



Mã phụ kiện

3320152

● Dây dẫn ●●

Loại áp suất cao (chỉ HW111)
Ứng dụng cho phạm vi xịt rửa rộng hơn



3640630

3641590

Loại Mã phụ kiện Dùng cho máy

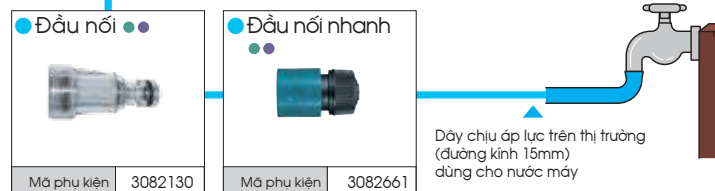
5m 3640630 HW102

5.5m 3641590 HW111

Kết nối với ổ cắm



Đầu nối cấp nước



Phụ kiện máy xịt rửa cao áp HW101

● Phụ kiện đi kèm của HW101



● Đầu xịt rửa ●



Mã phụ kiện

50955



● Bình đựng chất tẩy rửa ●

Xả phòng được phun dưới dạng bọt, không bị rửa trôi



Mã phụ kiện

50954



● Súng xịt ●



Mã phụ kiện

50956

● Dây dẫn ●



Mã phụ kiện

3082290

Kết nối với ổ cắm



Đầu nối cấp nước



Bộ lọc xăng, bộ phận phun sương và bộ phận làm sạch không khí

Bộ lọc xăng
163518-3
Bộ phận làm sạch không khí
443171-4
Bộ lọc trước (Bọt)
***D010114020: bộ lọc sửa chữa



Máy	Bộ lọc xăng	Bộ phận phun sương		Bộ phận làm sạch không khí	
	Mã số	Loại	Mã số	Loại	Mã số
BHX2500	163447-0	NGK CMR6A	168401-9	Bộ lọc trước (Bọt)	443141-3
				Bộ lọc không khí (Vải không dệt)	443140-5
EA3201S EA3501S	163447-0	NGK CMR6A	168401-9		423414-0
EA3601F	163518-3	NGK BPMR8Y	649500-1	Bộ lọc không khí (Lưới nylon)	126370-0
EA4301F	163447-0	NGK CMR7A-5	168599-2	Bộ lọc không khí (Lưới nylon)	123452-9
				Bộ lọc không khí (Vải lông cừu)	123453-7
EA5600F	D010114200	NGK BPMR7A	168648-5	Bộ lọc không khí (Giấy)	131173010
EB5300TH	163532-9	NGK CMR6H	168652-4	Bộ lọc không khí (Giấy)	198292-4
EB7660TH	163532-9	NGK CMR6H	168652-4	Bộ lọc không khí (Vải lông cừu)	424809-0
EBH340R/U	163447-0	NGK CMR6A	168401-9	Bộ lọc trước (Bọt)	443141-3
				Bộ lọc không khí (Vải không dệt)	443140-5
EE2650H EM2550UH	163518-3	NGK CMR4A	168534-0	Bộ lọc trước (Bọt)	443171-4
				Bộ lọc không khí (Vải không dệt)	443169-1
EH6000W, EH7500S	163518-3	NGK CMR6A	168401-9	Bộ lọc trước (Bọt)	443157-8
				Bộ lọc không khí (Vải không dệt)	443158-6
EK6101	163499-1 D010114020***	NGK BPMR7A	168648-5	Bộ lọc không khí (Giấy)	424789-0
				Bộ lọc không khí (Lưới nylon)	424790-5
EK8100	163499-1 D010114020***	NGK BPMR7A	168648-5	Bộ lọc trước (Bọt)	424700-2
				Bộ lọc không khí (Giấy)	424701-0
				Bộ lọc không khí (Lưới nylon)	424705-2
EK7651H	163447-0	NGK CMR6H	168652-4	Bộ làm sạch không khí (với túi bụi 166106-5, bộ lọc trước 195945-6 x5, bộ lọc không khí 442165-6)	195599-9
EM2500U	DA00000119	NGK BPMR7A	168648-5	Bộ lọc không khí (Vải không dệt)	A00000105
EM2550UH	163447-0	NGK CMR4A	168534-0	Bộ lọc trước (Bọt)	443141-3
					443140-5
EM3400U	163447-0	NGK BPMR7A	168648-5	Bộ lọc không khí (Giấy)	443194-2
EX2650LH, EY2650H	163518-3	NGK CMR4A	168534-0	Bộ lọc trước (Bọt)	443171-4
				Bộ lọc không khí (Vải không dệt)	443169-1
EVH2000	163447-0	NGK CMR6A	168401-9	Bộ lọc trước (Bọt)	5923503200
PM7650H	163532-9	NGK CMR6A	168401-9	Bộ lọc không khí (Giấy)	442181-8
RBC411U	161446-6	NGK BPMR7A / NGK BPM7A	168648-5 / 168588-7	Bộ lọc trước (Bọt) vuông	443162-5
				Bộ lọc trước (Bọt) vòng	443161-7
RBC413U	163447-0	NGK BPMR7A / NGK BPM7A	168648-5 / 168588-7	Bộ lọc trước (Bọt)	443180-3

Bugì



Loại	Kích thước cờ lê (mm)	Mã số
NGK CMR4A	16	168534-0
NGK CMR6A	16	168401-9
NGK CMR6H	16	168652-4
NGK CMR7A-5	16	168599-2
NGK BPMR7A	19	168648-5
NGK BPM7A	19	168588-7
NGK BPMR8Y	19	649500-1
NGK BMR7A	19	168662-1

Kính bảo hộ



Mã số
192219-6 (Có dây đeo)
195246-2 (Không có dây đeo)

Mỡ bôi



Mô tả	Kích thước	Mã số
Dùng cho máy cắt cỏ dạng cước, máy cắt cỏ máy tĩa hàng rào(mỡ số 2)	80ml	442165-6 199450-5